

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

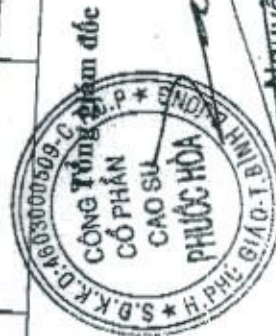
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý 4.2010	Quý 4.2009	Lấy kế 12 tháng 2010	Lấy kế 12 tháng 2009
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.16	611.686.497.371	433.333.930.269	1.995.081.124.090	1.067.894.733.468
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.17	61.425.626		61.425.626	246.404.440
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.18	611.625.071.745	433.333.930.269	1.995.019.698.464	1.067.648.329.028
11	Giá vốn hàng bán	VI.19	362.213.354.719	307.385.366.080	1.313.914.584.761	784.767.445.138
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		249.411.717.026	125.948.564.189	681.105.113.703	282.880.883.890
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.20	18.962.609.850	7.642.990.607	44.844.026.973	46.222.469.449
22	Chi phí tài chính	VI.21	12.300.145.044	(2.066.892.360)	32.605.713.459	(59.875.915)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.847.136.466	1.285.989.545	25.567.141.466	947.623.368
24	Chi phí bán hàng		5.352.688.705	5.627.224.968	18.981.737.115	11.880.366.721
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		67.663.121.520	20.820.633.969	150.456.019.356	50.615.202.072
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		183.058.371.607	109.210.588.219	523.905.670.746	266.667.660.461
31	Thu nhập khác		64.829.171.510	65.817.338.897	161.804.615.268	123.660.869.323
32	Chi phí khác		12.100.144.671	17.492.881.442	36.924.117.865	46.989.994.182
40	Lợi nhuận khác		52.729.026.839	48.324.457.455	124.880.497.403	76.670.875.141
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		235.787.398.446	157.535.045.674	648.786.168.149	343.338.535.602
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.22	58.501.674.387	38.998.464.487	158.901.172.643	83.506.583.295
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		177.285.724.059	118.536.581.187	489.884.995.506	259.831.952.307
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.23	2.213	1.468	6.114	3.217

Lập biên,

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lệ Dung

Dương Văn Khen

Nguyễn Văn Tân